

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi bổ sung trong lĩnh vực hàng hải

Ngày 25 tháng 2 năm 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 34/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10/4/2025. Riêng các biểu mẫu số 42, 43, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 57 quy định tại khoản 43 Điều 1 Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/04/2027.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 258/QĐ-BXD về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hàng hải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng. Tại Quyết định có 03 thủ tục hành chính lĩnh vực hàng hải được công bố ban hành mới và có 32 thủ tục hành chính lĩnh vực hàng hải được công bố sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định Căn cứ Quyết định số 259/QĐ-BXD ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hàng hải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

Triển khai văn bản số 630/CHHĐTVN-PC ngày 04/4/2025 của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam về việc thông báo danh mục thủ tục hành chính được công bố ban hành mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hàng hải.

Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực III thông báo niêm yết công khai Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải tại trụ sở Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực III và Trụ sở các văn phòng Đại diện trực thuộc; Niêm yết đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực III (địa chỉ truy cập: <http://0cv3.gov.vn>)

(đính kèm 03 TTHC lĩnh vực hàng hải được công bố ban hành mới và 32 TTHC lĩnh vực hàng hải được công bố sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 259/QĐ-BXD)

Trên đây là nội dung thông báo của Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực III, thông báo đến các tổ chức, doanh nghiệp, người dân được biết./

Nơi nhận:

- Cục HHĐTVN (để b/c);
- Giám đốc (để b/c);
- PGĐ Phạm Văn Hiệp;
- Các Đại diện trực thuộc (để niêm yết);
- Các Phòng; Website CVĐTNDIII;
- Lưu: VT, AT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Huỳnh Văn Út



PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

DANH SÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ MÃ QR-CODE SỬ DỤNG ĐỂ TRA CỨU NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Mã QR-CODE	Ghi chú
I	Thủ tục hành chính được ban hành mới			
1.	Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động	1.013467		
2.	Chấm dứt hoạt động tàu lặn	1.013468		
II.	Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung			
1.	Phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải	1.004276		
2.	Chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải	1.004123		
3.	Đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng	1.002249		



4.	Công bố thông báo hàng hải về thiết lập mới báo hiệu hàng hải	1.004291		
5.	Công bố thông báo hàng hải về việc thay đổi đặc tính, tạm ngừng, phục hồi, chấm dứt hoạt động của báo hiệu hàng hải	1.004110		
6.	Công bố thông báo hàng hải định kỳ về các thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, vùng nước trước cầu cảng và các khu nước, vùng nước	1.004106		
7.	Công bố thông báo hàng hải về khu vực thi công công trình trên biển hoặc trên luồng hàng hải	1.004058		
8.	Công bố thông báo hàng hải về công trình ngầm, công trình vượt qua luồng hàng hải	1.004066		
9.	Công bố thông báo hàng hải về khu vực biên hạn chế hoặc cấm hoạt động hàng hải	1.004067		

10.	Chấp thuận tiến hành các hoạt động trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa	1.004053		
11.	Cho phương tiện thủy nội địa vào cảng biển (trừ phương tiện thủy nội địa mang cấp VR- SB)	1.003391		
12.	Cho phương tiện thủy nội địa rời cảng biển (trừ phương tiện thủy nội địa mang cấp VR- SB)	1.003286		
13.	Tàu biển nhập cảnh	1.004028		
14.	Tàu biển xuất cảnh	1.004004		
15.	Tàu biển quá cảnh	2.001655		

16.	Tàu biển nhập cảnh tại cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	1.003978		
17.	Tàu biển xuất cảnh tại cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	1.003934		
18.	Tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	1.002349		
19.	Tàu biển rời cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	1.004332		
20.	Tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài vào cảng và tàu biển nước ngoài đã nhập cảnh sau đó vào cảng biển khác của Việt Nam	1.004312		
21.	Tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	1.004304		

22.	Tàu biển hoạt động tuyến nội địa vào cảng biển và tàu biển Việt Nam đã nhập cảnh sau đó vào cảng biển khác của Việt Nam (bao gồm cả tàu quân sự, tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động, thủy phi cơ, phương tiện thủy nội địa mang cấp VR- SB và các phương tiện thủy khác không quy định tại các khoản 2, 3 Điều 72 Nghị định 58/2017/NĐ-CP)	1.003829		
23.	Tàu biển hoạt động tuyến nội địa rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam (bao gồm cả tàu quân sự, tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động, thủy phi cơ, phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB và các phương tiện thủy khác không quy định tại các khoản 2, 3 Điều 72 Nghị định 58/2017/NĐ- CP)	1.003785		
24.	Tàu thuyền có trọng tải từ 200 tấn trở xuống, mang cờ quốc tịch của quốc gia có chung đường biên giới với Việt Nam nhập cảnh, xuất cảnh tại khu vực biên giới của Việt Nam và quốc gia đó	1.003878		